TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 3- 2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Phan Tân – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị S**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp V1, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Quốc N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Kcelung Zhong Zheng District Reconcile Street No 124, Đài Loan

(Bà S có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn bà Lê Thị S trình bày:

Năm 2002, bà và ông Trần Quốc N quen nhau qua mai mối, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/7/2004. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc. Sau đó, ông N S Đài Loan nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng một thời gian sau thì bà

và ông N bắt đầu mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và khoảng cách địa lý nên hiện tại ông bà đã không còn liên lạc với nhau

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân giữa bà và ông Trần Quốc N không thể duy trì chung sống với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc N.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có hai người con chung là Trần Quốc K, sinh ngày 01/08/2003 và Trần Anh H, sinh ngày 19/09/2006. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Quốc N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và chưa có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị S theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị S với bị đơn ông Trần Quốc N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị S có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Trần Quốc N vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Lê Thị S và ông Trần Quốc N.

[2]. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị S và ông Trần Quốc N là hôn nhân hợp pháp, thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn bà Lê Thị S cho rằng sau khi kết hôn do bất đồng về quan điểm sống, ông N S Đài Loan định cư và không quay về Việt Nam nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân và hiện tại ông bà đã không còn liên lạc với nhau. Đối với ông Trần Quốc N Tòa án đã thực hiện ủy thác tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà S.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà bà Lê Thị S và ông Trần Quốc N hai bên đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau để xây

dựng gia đình hạnh phúc. Hiện tại bà S xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung vợ chồng của bà S và ông N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Do đó qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị S với ông Trần Quốc N.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có hai người con chung là Trần Quốc K, sinh ngày 01/08/2003 và Trần Anh H, sinh ngày 19/09/2006. Bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 16/6/2020 của cháu H và cháu K thì cả hai cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ. Do vậy trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận giao hai con chung là Trần Quốc K, sinh ngày 01/08/2003 và Trần Anh H, sinh ngày 19/09/2006 cho bà S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 0003033 ngày 11/3/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

[4]. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC.

Phí ủy thác tư pháp: Bà Lê Thị S phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000đ, bà Sđã nộp theo biên lai thu số 0002569 ngày 16/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S về việc xin ly hôn đối với bị đơn ông Trần Quốc N.

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S được ly hôn với ông Trần Quốc N

2. Về con chung: Giao hai con chung là Trần Quốc K, sinh ngày 01/08/2003 và Trần Anh H, sinh ngày 19/09/2006 cho bà S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị S xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí: Bà Lê Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0003033 ngày 11/3/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp:

Phí ủy thác tư pháp: Bà Lê Thị S phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000đ, bà S đã nộp theo biên lai thu số 0002569 ngày 16/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết.

Riêng ông Trần Quốc N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường